

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới
năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022**

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Tình hình xây dựng, ban hành, thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch

a) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới

| Số TT | Tên văn bản | Cơ quan ban hành/Cấp ban hành | Ngày ban hành | Hình thức văn bản | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|-------|---|-------------------------------|---------------|----------------------------|---------------------------|
| 1 | Kiến toàn ban vì sự tiến bộ phụ nữ huyện | UBND huyện | 05/4/2021 | Quyết định số 1627/QĐ-UBND | Phòng Lao động-TBXH |
| 2 | Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 | UBND huyện | 16/3/2021 | Kế hoạch số 1520/KH-UBND | Phòng Lao động-TBXH |
| 3 | Công văn hướng dẫn thực hiện công tác bình đẳng giới năm 2021 | UBND huyện | 08/3/2021 | Số: 1289/UBND-LĐTBXH | Phòng Lao động-TBXH |

b) Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (LGG) trong xây dựng chính sách, pháp luật, các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

| Stt | Tên văn bản được LGG | Nội dung LGG | Cơ quan ban hành | Ngày ban hành | Ngày có hiệu lực | Cơ quan chủ trì soạn thảo |
|-----|----------------------|--------------|------------------|---------------|------------------|---------------------------|
| ... | Không | ... | ... | ... | ... | |

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

Công tác tuyên truyền, tập huấn về bình đẳng giới đã phối hợp Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện chỉ đạo Hội phụ nữ các cấp phối hợp với các ngành làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới trong toàn thể cán bộ hội viên, phụ nữ; kết quả 34/34 xã, thị trấn truyền truyền 35 cuộc truyền truyền trên hệ thống loa phát thanh của xã, cấp tài liệu, vào dịp 8/3, trong đại hội Hội phụ nữ các cấp.

3. Công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới

a) Số lượng cán bộ chuyên trách làm công tác bình đẳng giới tại cấp tỉnh/huyện/xã: Không

- Số lượng cán bộ chuyên trách làm công tác bình đẳng giới tại cấp huyện: Không

- Số lượng cán bộ kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới tại cấp xã: 34/34.

b) Nâng cao năng lực thực hiện công tác bình đẳng giới:

- Tập huấn nâng cao kỹ năng lãnh đạo cho cán bộ nữ chủ chốt của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện 02 lớp 150 người tham gia.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của Phụ nữ, kỹ năng lồng ghép giới trong công tác giảm nghèo cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp cơ sở.

c) Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ phối hợp với các phòng ban chuyên môn, Mặt trận tổ quốc và các ban ngành tham gia giám sát các chính sách thực hiện luật bình đẳng giới và các chính sách an sinh xã hội ở từng địa phương.

Thường xuyên theo dõi giám sát việc đăng ký và thực hiện chế độ giải quyết việc làm và chế độ bảo hiểm xã hội với người lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn để người lao động đặc biệt là lao động nữ được thực hiện đầy đủ quyền lợi.

d) Kinh phí địa phương và huy động dành cho hoạt động bình đẳng giới

| Năm | Kinh phí (triệu đồng) | | Ghi chú |
|------|-----------------------|--------------------|---------|
| | Chi thường xuyên | Huy động (dự kiến) | |
| 2020 | 200 | 250 | |
| 2021 | 100 | 300 | |

4. Đánh giá tình hình chung triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới

Công tác cán bộ nữ đã được cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm. Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ đã chủ động tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện uỷ xây dựng quy hoạch, đào tạo, đề bạt cán bộ nữ. Thường trực

Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các Đảng bộ, chi bộ trực thuộc quan tâm tạo nguồn quy hoạch nguồn cán bộ nữ tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp các cấp, bố trí hợp lý các chức danh chủ chốt Cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, đặc biệt quan tâm đến cán bộ nữ, cán bộ trẻ có năng lực, cán bộ là người dân tộc thiểu số do đó tỷ lệ cán bộ nữ ngày càng được nâng lên cả về số lượng và chất lượng.

Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ huyện đã ban hành Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể cho các ngành và thành viên Ban chỉ đạo, phối hợp với các phòng, ban, ngành trên địa bàn huyện thực hiện việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của các cơ quan, đơn vị; Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân; hướng dẫn, tổ chức thực hiện các biện pháp thúc đẩy về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong ngành, lĩnh vực phụ trách. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ vào việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

PHẦN II

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Mục tiêu 1

a) Các hoạt động giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị

Do có những chủ trương đúng đắn, những định hướng và kế hoạch triển khai kịp thời trong lĩnh vực chính trị, sự tham gia của phụ nữ trong các cấp ủy và HĐND đã có sự thay đổi.

b) Kết quả thực hiện mục tiêu

- Số nữ giới tham gia Ban chấp hành Đảng bộ huyện là: 7/41 đồng chí đạt 17%. Ban chấp hành Đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2020 - 2025 tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy 94/470 đạt 19.6% (tăng so với nhiệm kỳ trước 5%). Có 2 đồng chí nữ là Bí thư Đảng bộ xã, 5 đồng chí nữ là Phó Bí thư Đảng bộ xã.

- Tỷ lệ nữ tham gia Hội đồng nhân dân các cấp: Cấp huyện bằng 10/37 đồng chí đạt 27,02% (tăng 1% so với nhiệm kỳ trước); cấp xã bằng 199/838 đồng chí đạt 23,75% (tăng 7,04% so với nhiệm kỳ trước). Có đồng chí nữ là 7 Phó Chủ tịch HĐND cấp xã.

- Đánh giá chỉ tiêu tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ: 13,5% (chưa đạt).

c) Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

Công tác cán bộ nữ đã chuyển biến rõ rệt, tuy nhiên tỷ lệ cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành còn thấp, cán bộ nữ chủ yếu giữ vị trí

cấp phó. Việc triển khai quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển chưa chủ động và chưa có chiến lược lâu dài.

2. Mục tiêu 2

a) Các hoạt động nhằm giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.

Các cấp Hội phụ nữ làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho phụ nữ chuyển đổi nhận thức và tư duy cho chính phụ nữ và những người xung quanh về giá trị độc lập, tự chủ về kinh tế, xóa bỏ quan niệm phụ nữ chỉ làm nội trợ và chăm sóc con. Các hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn được quan tâm hơn, năm 2021 Hội LHPN huyện phối hợp Trung tâm dạy nghề Hội LHPN tỉnh Thanh Hóa tổ chức 05 lớp sơ cấp nghề; trồng cây lương thực thực phẩm, Thủ công mỹ nghệ, Dịch vụ chăm sóc gia đình, chăn nuôi gia súc gia cầm cho 260 chị tại xã Thọ Tân, Thọ Phú, Đồng Lợi, Vân Sơn, Thị Trấn, Minh Sơn, Xuân Thọ, Xuân Lộc; Phối hợp với phòng Tài chính huyện giới thiệu 170 chị tham gia lớp khởi nghiệp tại huyện, khuyến khích phụ nữ khởi nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm thông qua các hoạt động dạy nghề và tạo việc nhiều lao động nữ đã trở thành chủ cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương.

b) Kết quả thực hiện mục tiêu:

- Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 36,9% (đạt).
- Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm 42% (giảm so với năm 2020 là 3%) đạt
- Tỷ lệ nữ giám đốc, chủ doanh nghiệp, hợp tác xã 7%, (chưa đạt).

c) Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

Chất lượng việc làm chưa cao, tính ổn định, bền vững của việc làm còn thấp chủ yếu việc giản đơn, việc làm theo thời vụ, nhiều lao động có việc làm nhưng chưa đúng với ngành nghề được đào tạo, tiền lương, tiền công của người lao động còn thấp.

3. Mục tiêu 3

a) Các hoạt động bảo đảm bình đẳng giới trong gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

Huyện đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực gia đình. Tăng cường chỉ đạo các cấp cơ sở lồng ghép nội dung bình đẳng giới vào việc thực hiện Luật phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Hôn nhân và Gia đình, thành lập các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình nhằm can thiệp, hỗ trợ, tư vấn, giúp đỡ kịp thời cho các nạn nhân và người gây ra bạo lực, Các hoạt động tuyên truyền về vai trò của người phụ nữ trong gia đình, phòng chống bạo lực trong gia đình ngày càng được quan tâm. Huyện cũng đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*”, mô hình CLB “*Phụ nữ với pháp luật*”; CLB “*Phòng chống tệ nạn xã hội*”, vận

động hội viên, phụ nữ không sinh con thứ 3 trở lên, thực hành tiết kiệm giúp nhau phát triển kinh tế giảm nghèo.

b) Kết quả thực hiện mục tiêu:

- Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,6 lần (đạt).

- Số người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn: 100% (đạt).

- Số nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng: 100% (đạt).

- Cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới: (chưa có)

c) Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

Việc bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình đã từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới, thực hiện bình đẳng giới trong gia đình, trong đó trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình giữa các thành viên rút ngắn khoảng cách thời gian của nữ so với nam giới.

4. Mục tiêu 4

a) Các hoạt động nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe

Đã mở chiến dịch khám sức khỏe cho phụ nữ, tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ và cách chăm sóc trẻ sơ sinh. Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho phụ nữ có thai. Tỷ lệ nữ tiếp cận với các dịch vụ y tế đạt 98%. 100% cơ sở y tế có nữ hộ sinh trung học hoặc y sĩ sản nhi. Trung tâm y tế huyện phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện mở Hội hạnh phúc tại các xã, hàng tháng tổ chức khám phụ khoa, đặt vòng, thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và phát thuốc điều trị cho chị em phụ nữ.

b) Kết quả thực hiện 4 chỉ tiêu của mục tiêu 4 tại địa phương

- Tỷ số giới tính khi sinh ở mức bé trai/100 bé gái sinh: 114/100 (chưa đạt).

- Tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm còn: 0% (đạt).

- Tỷ suất sinh ở vị thành niên giảm: 0% (đạt).

c) Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh mặc dù đã được chú trọng nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu.

5. Mục tiêu 5

a) Các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Quan tâm tạo điều kiện cho nữ cán bộ chủ chốt cấp huyện được bồi dưỡng về Lý luận chính trị cao cấp, chương trình quản lý Nhà nước, chương trình tin học và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn; các cán bộ, công chức là nữ cấp xã được tham gia các lớp Trung cấp lý luận chính trị, Trung cấp quản lý hành chính Nhà nước và hoàn thiện các tiêu chuẩn công chức cấp xã. Đến nay có 100% nữ chủ chốt cấp huyện có trình độ Đại học và trình độ Trung cấp lý luận chính trị trở lên, 100% được bồi dưỡng tin học và sử dụng máy tính thành thạo.

b) Kết quả thực hiện 4 chỉ tiêu của mục tiêu 5 tại địa phương

- Nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm: Đã đưa vào giảng dạy

- Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học đạt: 97,2% (đạt).

- Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp: 32% (đạt).

- Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ: 12,3% (chưa đạt)

- Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ: 0% (chưa đạt).

c) Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

Công tác thống kê, thu thập số liệu nữ thạc sĩ, tiến sĩ gặp nhiều khó khăn.

6. Mục tiêu 6

a) Các hoạt động nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực thông tin, truyền thông.

Cùng với phát triển kinh tế, công tác phát triển văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao và phong trào xây dựng gia đình văn hóa được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ. Các hoạt động tuyên truyền về vai trò của người phụ nữ trong gia đình, phòng chống bạo lực trong gia đình ngày càng được quan tâm.

b) Báo cáo số liệu thực hiện 4 chỉ tiêu của mục tiêu 6 tại địa phương

- Tỷ lệ dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới: 65,5% (đạt).

- Tỷ lệ tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và thực hiện bình đẳng giới: 100% (đạt).

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở: 100% (đạt).

- Đài Phát thanh và Truyền hình huyện có chuyên mục, chuyên đề; Đài Truyền thanh xã, thị trấn có tin, bài tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hàng tháng: 90% (đạt).

c) Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

Trên phương tiện thông tin của huyện hình ảnh người phụ nữ vươn lên, khẳng định mình ngày càng nhiều; nhiều hình ảnh, bài viết đã thể hiện vai trò của nam giới trong việc chia sẻ việc nhà. Tuy nhiên những hình ảnh, bài viết chưa được nhiều.

7. Đánh giá việc thực hiện các giải pháp đã đề ra để khắc phục những tồn tại, hạn chế của năm 2021 và giai đoạn 2021-2030.

- Tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ và các văn bản chỉ đạo của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Thanh Hóa đến các phòng, ban và đơn vị trong toàn huyện.

- Tăng cường, chú trọng công tác cơ cấu tổ chức cán bộ với sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị, kinh tế và các tổ chức đoàn thể.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về bình đẳng giới trong cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong huyện nhằm nâng cao nhận thức về công tác cán bộ nữ, góp phần xóa bỏ các định kiến giới, các quan niệm không phù hợp về vai trò của nam và nữ trong gia đình và ngoài xã hội.

- Đưa công tác đào tạo cán bộ nữ vào nhiệm vụ chính trị của cơ quan, thực hiện công tác quy hoạch dài hạn cho cán bộ, công chức nữ về chuyên môn nghiệp vụ cũng như lý luận chính trị.

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung

Tiếp tục triển khai thực hiện Luật bình đẳng giới đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của xã hội, của các tầng lớp nhân dân, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức trong thực hiện luật bình đẳng giới; từng bước thu hẹp khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ, góp phần hoàn thiện hiệu quả các chỉ tiêu trong Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ.

Việc đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về bình đẳng giới đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm, sự đồng thuận và ủng hộ của cả hệ thống chính trị và người dân.

2. Khó khăn, vướng mắc

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, song đến nay việc triển khai còn một số khó khăn như:

- Việc lồng ghép tuyên truyền mục tiêu bình đẳng giới với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, xã hội chưa rõ nét.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bình đẳng giới ở một số đơn vị chưa được cấp ủy, chính quyền, các ngành, đoàn thể quan tâm đúng mức.

- Công tác quán triệt, tuyên truyền thực hiện chính của Đảng, Nhà nước về hoạt động Bình đẳng giới chưa thường xuyên, quá trình tổ chức thực hiện thiếu kiểm tra giám sát, chưa sơ, tổng kết chương trình hành động dẫn đến hiệu quả đạt được chưa cao, chưa có giải pháp cụ thể trong từng mục tiêu.

- Hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ ở một số đơn vị vẫn còn mang tính hình thức; nội dung chưa phong phú.

- Một số thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ chưa chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp thực hiện, chưa thực sự phát huy trách nhiệm được giao.

- Kinh phí cho hoạt động VSTBPN còn thiếu, nên nhiều hoạt động chưa thực hiện được theo chương trình công tác.

PHẦN IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Cần có chính sách về bộ máy, tổ chức biên chế về Bình đẳng giới đến cơ sở; quan tâm và tăng cường hỗ trợ kinh phí cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, làm rõ tác hại, nguyên nhân và nguy cơ của bạo lực.

- Bố trí đủ cán bộ làm công tác Bình đẳng giới tại các địa phương; hình thành đội ngũ cộng tác viên; tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả hoạt động về công tác bình đẳng giới trên địa bàn huyện để Sở Lao động - Thương binh và Xã hội biết và chỉ đạo./.

Nơi nhận :

- Sở Lao động-TBXH (b/c);
- Các phòng, ban, đơn vị có liên quan;
- Thành viên Ban VSTBCPN;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Trung

Phụ lục II:**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2021***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)*

| Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Đơn vị tính | Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chiến lược quốc gia bình đẳng giới | | | Ghi chú |
|--|-------------|---|---------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Kết quả đạt được năm 2020 | Kết quả đạt được năm 2021 | Kế hoạch thực hiện năm 2022 | |
| Mục tiêu 1: Trong lĩnh vực chính trị | | | | | |
| <i>Chỉ tiêu:</i> Tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ. | % | 11,5 | 13,5 | 13,5 | |
| Mục tiêu 2: Trong lĩnh vực kinh tế, lao động | | | | | |
| <i>Chỉ tiêu 1:</i> Tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương. | % | 34,6 | 36,9 | 37,5 | |
| <i>Chỉ tiêu 2:</i> Tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp. | % | 45 | 42 | 41,5 | |
| <i>Chỉ tiêu 3:</i> Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp/hợp tác xã. | % | 6,59 | 7,0 | 7,0 | |
| Mục tiêu 3: Đảm bảo bình đẳng giới trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới | | | | | |
| <i>Chỉ tiêu 1:</i> Số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ so với nam giới. | Lần | 1,7 | 1,6 | 1,6 | |
| <i>Chỉ tiêu 2:</i> - Tỷ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; - Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn. | % | 3,2 | 2,68 | 2,5 | |
| | % | 75 | 100 | 100 | |
| <i>Chỉ tiêu 3:</i> Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán trở về được phát hiện có nhu | % | 100 | 100 | 100 | |

| Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Đơn vị tính | Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chiến lược quốc gia bình đẳng giới | | | Ghi chú |
|--|----------------|---|---------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Kết quả đạt được năm 2020 | Kết quả đạt được năm 2021 | Kế hoạch thực hiện năm 2022 | |
| cầu hỗ trợ được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng. | | | | | |
| <i>Chỉ tiêu 4:</i> Tỷ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai các hoạt động trợ giúp, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. | % | 100 | 100 | 100 | |
| Mục tiêu 4: Trong lĩnh vực y tế | | | | | |
| <i>Chỉ tiêu 1:</i> Tỷ số giới tính khi sinh (<i>số trẻ em trai/100 trẻ em gái sinh ra sống</i>). | Số trẻ em trai | 114 | 115 | 114 | |
| <i>Chỉ tiêu 2:</i> Tỷ lệ tử vong bà mẹ (BM) liên quan đến thai sản/100.000 trẻ sinh sống. | Số BM tử vong | 2,70 | 0 | 0 | |
| <i>Chỉ tiêu 3:</i> Tỷ suất sinh ở vị thành niên/1.000 phụ nữ ở độ tuổi vị thành niên. | Ca sinh | 7,5 | 0 | 0 | |
| <i>Chỉ tiêu 4:</i> Cơ sở y tế tuyến tỉnh cung cấp thí điểm dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho người đồng tính, song tính và chuyển giới. | Cơ sở | | | | |
| Mục tiêu 5: Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo | | | | | |
| <i>Chỉ tiêu 1:</i> Nội dung về giới, bình đẳng giới (BDG) được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục của tỉnh và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi. | Nội dung BDG | Đã đưa vào giảng dạy | Đưa vào giảng dạy | Đưa vào giảng dạy | |
| <i>Chỉ tiêu 2:</i> - Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học; - Tỷ lệ trẻ em trai và trẻ em gái dân tộc thiểu số hoàn thành cấp trung học cơ sở. | % | 97,2 | 97,2 | 97,5 | |
| | % | 96,5 | 96,5 | 97,0 | |
| Trong đó, tỷ lệ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở đối với học sinh nam và nữ là tương đương. | | | | | |

| Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa | Đơn vị tính | Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện Chiến lược quốc gia bình đẳng giới | | | Ghi chú |
|--|-------------|---|---------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Kết quả đạt được năm 2020 | Kết quả đạt được năm 2021 | Kế hoạch thực hiện năm 2022 | |
| <i>Chỉ tiêu 3:</i> Tỷ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp. | % | 31,5 | 32 | 32 | |
| <i>Chỉ tiêu 4:</i> - Tỷ lệ nữ thạc sĩ; - Tỷ lệ nữ tiến sĩ, | % % | 15,7 0,0 | 12,3 0,0 | 12,5 0,0 | |
| Mục tiêu 6: Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông | | | | | |
| <i>Chỉ tiêu 1:</i> Tỷ lệ dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới. | % | 65 | 65,5 | 65,5 | |
| <i>Chỉ tiêu 2:</i> Tỷ lệ tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và thực hiện bình đẳng giới. | % | 85 | 100 | 100 | |
| <i>Chỉ tiêu 3.</i> Tỷ lệ xã, phường, thị trấn mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở. | % | 90 | 100 | 100 | |
| - <i>Chỉ tiêu 4:</i> Phần đầu đạt 100% Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình huyện, thị xã, thành phố có chuyên mục, chuyên đề; Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn có tin, bài tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới hằng tháng. | % | 50 | 90 | 90 | |